

Số: /KH-BĐHCĐS

Ninh Sơn, ngày tháng 4 năm 2023

KẾ HOẠCH
Nâng cao Chỉ số chuyển đổi số (DTI) huyện Ninh Sơn năm 2023

PHẦN I
ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ CHUYỂN ĐỔI SỐ (DTI) NĂM 2022

1. Về bộ Chỉ số chuyển đổi số (DTI)

Ngày 08/7/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành Quyết định số 852/QĐ-UBND về Ban hành Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận.

Theo đó, DTI cấp huyện được đánh giá thông qua 09 nhóm chỉ số chính với 83 chỉ số thành phần. Trong đó, Nhận thức số (gồm 6 chỉ số), Thẻ chế số (gồm 10 chỉ số), Hạ tầng số (gồm 7 chỉ số), Nhân lực số (gồm 7 chỉ số), An toàn thông tin mạng (gồm 12 chỉ số), Hoạt động chính quyền số (gồm 18 chỉ số), Hoạt động kinh tế số (gồm 12 chỉ số), Hoạt động xã hội số (gồm 8 chỉ số), Đô thị thông minh (gồm 3 chỉ số nhưng không tính điểm).

2. Kết quả Chỉ số DTI năm 2022 của huyện Ninh Sơn

Kết quả xếp hạng tổng thể mức độ chuyển đổi số năm 2022 của huyện Ninh Sơn đạt 698,8 điểm, thông qua 09 nhóm chỉ số chính, xếp loại **khá** và xếp thứ **03** toàn tỉnh đối với các huyện, thành phố (sau TP.PR-TC, huyện Ninh Hải).

3. Phân tích, đánh giá Chỉ số DTI năm 2022 của huyện

3.1. Nhận thức số

Chỉ số thành phần Nhận thức số có điểm tối đa là 60 điểm, với 06 tiêu chí.

Kết quả đạt **58,8/60 điểm tối đa, xếp hạng 05/07**, trong đó còn 01 tiêu chí thành phần chưa đạt điểm tối đa, cụ thể:

Tiêu chí “*Văn bản chỉ đạo chuyên đề về chuyển đổi số do người đứng đầu cấp Huyện (Chủ tịch cấp Huyện) ký*” **chưa đạt điểm tối đa** (đạt 8,8/10 điểm tối đa). Nguyên nhân là do có một số văn bản chỉ đạo chuyên đề về chuyển đổi số do Phó Chủ tịch UBND huyện ký ban hành.

3.2. Thẻ chế số

Chỉ số thành phần Thẻ chế số có điểm tối đa là 90 điểm, với 10 tiêu chí.

Kết quả đạt **80/90 điểm tối đa, xếp hạng 04/07**, trong đó còn 01 tiêu chí thành phần không đạt điểm, cụ thể:

Tiêu chí “*Thực hiện chính sách của tỉnh hoặc có sáng kiến mới để khuyến khích doanh nghiệp nhỏ và vừa CDS*” **không đạt điểm** (0/10 điểm tối đa). Nguyên nhân do đây là nội dung mới, thiếu các cơ sở pháp lý cũng như hướng dẫn của các sở, ban ngành để triển khai thực hiện.

3.3. Hạ tầng số

Chỉ số thành phần Hạ tầng số có điểm tối đa là 100 điểm, với 07 tiêu chí.

Kết quả đạt **59,7/100 điểm tối đa, xếp hạng 03/07**, trong đó còn nhiều tiêu chí thành phần chưa đạt điểm tối đa và không đạt điểm, cụ thể:

- Tiêu chí “*Tỷ lệ hộ gia đình có người có điện thoại thông minh*” **chưa đạt điểm tối đa** (đạt tỷ lệ 9,7/10 điểm tối đa).

- Tiêu chí “*Huyện, thành phố có các ứng dụng chuyên ngành triển khai trên Trung tâm dữ liệu của tỉnh*” **không đạt điểm** (0/20 điểm tối đa). Nguyên nhân là do chưa sử dụng công nghệ điện toán đám mây phục vụ nhu cầu hoạt động và chưa kết nối nền tảng điện toán đám mây Chính phủ.

- Tiêu chí “*Mức độ ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong nền tảng số*” **không đạt điểm** (0/20 điểm tối đa). Nguyên nhân là do chưa triển khai ứng dụng AI trong các nền tảng số.

3.4. Nhân lực số

Chỉ số thành phần Nhân lực số có điểm tối đa là 60 điểm, với 07 tiêu chí.

Kết quả đạt **55,01/60 điểm tối đa, xếp hạng 04/07**, trong đó 01 tiêu chí thành phần chưa đạt điểm tối đa, cụ thể:

Tiêu chí “*Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số*” **không đạt điểm** (0,01/5 điểm tối đa). Nguyên nhân do số lượng người dân trong độ tuổi lao động được bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số trong năm 2022 rất hạn chế và không có tài liệu kiểm chứng phù hợp.

3.5. An toàn thông tin mạng

Chỉ số thành phần An toàn thông tin mạng có điểm tối đa là 100 điểm, với 12 tiêu chí.

Kết quả đạt 70/100 điểm tối đa, xếp hạng 05/07, trong đó còn 03 tiêu chí thành phần không đạt điểm, cụ thể:

- Tiêu chí “*Số lượng hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước được giám sát trực tiếp và kết nối chia sẻ dữ liệu với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC)*” **không đạt điểm** (0/10 điểm tối đa). Nguyên nhân là do chưa có hệ thống thông tin được SOC bảo vệ, triển khai giám sát trực tiếp và kết nối chia sẻ dữ liệu với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia.

- Tiêu chí “*Số lượng các cuộc diễn tập được triển khai*” **không đạt điểm** (0/5 điểm tối đa). Nguyên nhân là do chưa triển khai diễn tập ATTT, đồng thời TT Tân Sơn để xảy ra sự cố mất an toàn thông tin.

- Tiêu chí “*Tổng kinh phí chi cho an toàn thông tin (ATTT)*” **không đạt điểm** (0/15 điểm tối đa). Nguyên nhân là do huyện không bố trí kinh phí cho một số hạng mục về ATTT như: kiểm tra, đánh giá ATTT; diễn tập, ứng cứu sự cố ATTT; đào tạo, tập huấn ATTT; tuyên truyền nâng cao nhận thức ATTT.

3.6. Hoạt động chính quyền số

Chỉ số thành phần Hoạt động chính quyền số có điểm tối đa là 170 điểm, với 18 tiêu chí.

Kết quả đạt 147,8/170 điểm tối đa, xếp hạng 01/07, trong đó còn nhiều tiêu chí thành phần chưa đạt điểm tối đa và không đạt điểm, cụ thể:

- Tiêu chí “*Tỷ lệ DVCTT phát sinh hồ sơ trực tuyến*” **chưa đạt điểm tối đa** (1,8/10 điểm tối đa). Nguyên nhân là do chưa đạt chỉ tiêu giao, việc phát sinh hồ sơ phụ thuộc vào nhu cầu của Người dân và Doanh nghiệp.

- Tiêu chí “*Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến*” **chưa đạt điểm tối đa** (16/20 điểm tối đa). Nguyên nhân là do hồ sơ giải quyết trực tuyến của DVCTT mức độ 4 chưa đạt chỉ tiêu tỉnh giao ($\geq 80\%$).

- Tiêu chí “*Sử dụng nền tảng trợ lý ảo phục vụ công chức, viên chức*” **không đạt điểm** (0/10 điểm tối đa). Nguyên nhân là do chưa triển khai nội dung trên.

3.7. Hoạt động kinh tế số

Chỉ số thành phần Hoạt động kinh tế số có điểm tối đa là 150 điểm, với 12 tiêu chí.

Kết quả đạt 135/150 điểm tối đa, xếp hạng 02/07, trong đó còn nhiều tiêu chí thành phần chưa đạt điểm tối đa và không đạt điểm, cụ thể:

- Tiêu chí “*Số lượng giao dịch trên sàn thương mại điện tử Vô sò và Postmart*” **chưa đạt điểm tối đa** (05/10 điểm tối đa). Nguyên nhân là do số lượng giao dịch trên sàn TMĐT Vô sò và Postmart trên địa bàn huyện còn thấp so với tổng số lượng bưu gửi chuyên phát hàng hóa qua Bưu điện Việt Nam và Viettel Post tại địa bàn.

- Tiêu chí “*Tổng kinh phí chi thường xuyên từ Ngân sách nhà nước cho kinh tế số*” **không đạt điểm** (0/10 điểm tối đa). Nguyên nhân là do điều kiện kinh tế - xã hội của huyện còn nhiều khó khăn, thu ngân sách nhà nước còn thấp nên không cấp kinh phí chi thường xuyên từ NSNN cho kinh tế số.

3.8. Hoạt động xã hội số

Chỉ số thành phần Hoạt động xã hội số có điểm tối đa là 150 điểm, với 08 tiêu chí.

Kết quả đạt 92,5/150 điểm tối đa, xếp hạng 02/07, trong đó còn nhiều tiêu chí thành phần chưa đạt điểm tối đa và không đạt điểm, cụ thể:

- Tiêu chí “*Số lượng hộ gia đình có địa chỉ số (trên tổng số hộ gia đình)*” **chưa đạt điểm tối đa** (18,5/20 điểm tối đa). Nguyên nhân là do Số lượng hộ gia đình có địa chỉ số/tổng số hộ gia đình đạt tỷ lệ 92,28%.

- Các tiêu chí: “*Tổng kinh phí đầu tư từ ngân sách nhà nước cho xã hội số*” và “*Tổng kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước cho xã hội số*” **không đạt điểm** (0/40 điểm tối đa). Nguyên nhân là do điều kiện kinh tế - xã hội của huyện còn nhiều khó khăn, thu ngân sách nhà nước còn thấp nên không cấp kinh phí đầu tư từ NSNN và kinh phí chi thường xuyên từ NSNN cho xã hội số.

- Tiêu chí “*Mức độ người dân được tham gia vào cùng cơ quan nhà nước giải quyết vấn đề của địa phương với chính quyền*” **chưa đạt điểm tối đa** (04/20 điểm tối đa). Nguyên nhân là do cung cấp thiếu các tài liệu kiểm chứng phù hợp.

4. Đánh giá chung

4.1. Tồn tại, hạn chế

- Công tác tổ chức theo dõi, triển khai thực hiện việc thu thập, cung cấp, cập nhật thông tin, số liệu, tài liệu về chuyển đổi số của huyện còn nhiều hạn chế; nhiều tiêu chí không có tài liệu và cung cấp thiếu tài liệu để kiểm chứng phù hợp.

- Nhiều nội dung công việc chưa được tham mưu tổ chức triển khai kịp thời; một số nội dung thiếu nguồn lực để triển khai thực hiện, một số công việc triển khai còn hình thức, hiệu quả chưa cao.

- Nguồn nhân lực số của huyện còn hạn chế, vừa thiếu số lượng và hạn chế về chất lượng, chưa đáp ứng yêu cầu về chuyển đổi số của huyện, nhất là nhân lực về an toàn thông tin, chuyển đổi số của huyện.

- Nguồn lực về tài chính đầu tư từ ngân sách nhà nước, chi thường xuyên cho ứng dụng CNTT, chuyển đổi số của huyện còn hạn chế.

- Số lượng giao dịch trên sàn thương mại điện tử trên sàn thương mại điện tử Vò sò và Postmart còn nhiều khó khăn, hạn chế.

4.2. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

- Đây là năm đầu tiên tỉnh triển khai đánh giá Chỉ số DTI theo bộ chỉ số mới được ban hành tại Quyết định số 852/QĐ-UBND ngày 08/7/2022, trong đó có bổ sung thêm nhiều chỉ số mới nên gặp rất nhiều khó khăn, lúng túng trong quá trình thu thập, tổng hợp đầy đủ thông tin, số liệu, tài liệu về chuyển đổi của huyện.

- Đã có Thông báo phân công trách nhiệm triển khai thực hiện từng chỉ số Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số cấp huyện, tuy nhiên việc cung cấp thông tin, số liệu, tài liệu để phục vụ cho công tác đánh giá Chỉ số DTI cấp huyện của các phòng, ban, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn huyện còn nhiều hạn chế, số liệu cung cấp chưa phản ánh đúng theo hiện trạng, thiếu các tài liệu, báo cáo kèm theo.

- Một số nội dung công việc còn thiếu các văn bản hướng dẫn của tỉnh để triển khai thực hiện tại địa phương.

- Chưa có cơ chế chính sách để tăng thu nhập, thu hút nguồn nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao; công tác đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin và truyền thông, đào tạo kỹ năng về kinh tế số, nhân lực công nghệ số, kinh doanh số và công dân số trên địa bàn huyện còn hạn chế do thiếu các cơ sở đào tạo về các lĩnh vực này trên địa bàn tỉnh nói chung và huyện nói riêng.

- Do điều kiện kinh tế - xã hội của huyện còn nhiều khó khăn, thu ngân sách nhà nước còn thấp nên việc đầu tư cho chuyển đổi số trong năm 2022 còn hạn chế, chưa huy động được nguồn lực từ xã hội.

- Số lượng doanh nghiệp công nghệ số (doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông – CNTT), doanh nghiệp nền tảng số trên địa bàn còn hạn chế; việc

chuyển đổi số ở các doanh nghiệp của huyện còn chậm, thiếu sự mạnh dạn trong đầu tư để chuyển đổi số, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

PHẦN II NỘI DUNG KẾ HOẠCH NĂM 2023

Căn cứ kết quả xếp hạng tổng thể mức độ chuyển đổi số năm 2022. Chỉ số DTI huyện Ninh Sơn xếp loại **khá** và xếp thứ **03** toàn tỉnh (đối với các huyện, thành phố);

Căn cứ Kế hoạch số 04-KH/BCĐCĐS ngày 20/3/2023 của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số huyện Ninh Sơn về hoạt động của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số huyện Ninh Sơn năm 2023.

Nhằm phát huy kết quả đạt được và khắc phục những hạn chế, tạo chuyển biến tích cực trong công tác chuyển đổi số của huyện trong năm 2023, Ban Điều hành chuyển đổi số ban hành Kế hoạch nâng cao Chỉ số chuyển đổi số (DTI) huyện Ninh Sơn năm 2023 với các nội dung sau:

I. MỤC TIÊU

- Thúc đẩy mạnh mẽ quá trình chuyển đổi số của huyện, nâng cao Chỉ số DTI của huyện một cách bền vững; tạo sự chuyển biến trong nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp về ý nghĩa, vai trò và tầm quan trọng của chuyển đổi số cũng như Chỉ số DTI; nâng cao vai trò, trách nhiệm của các phòng, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn huyện trong việc cải thiện kết quả và thứ bậc xếp hạng Chỉ số DTI của huyện, góp phần thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số của huyện theo Chương trình hành động số 123-CTr/HU ngày 09/02/2022 của Ban Thường vụ huyện ủy về thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 29/11/2021 của Ban Thường vụ tỉnh ủy về Chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- Tiếp tục nâng cao Chỉ số DTI hàng năm của huyện, kiên quyết khắc phục những hạn chế, đề ra các nhiệm vụ, giải pháp đảm bảo thiết thực, hiệu quả, phù hợp để thúc đẩy quá trình chuyển đổi số của huyện; tập trung khắc phục những hạn chế, quyết tâm vượt khó, vươn lên trong công cuộc chuyển đổi số của huyện. Phần đầu Chỉ số DTI năm 2023 huyện Ninh Sơn thuộc **tốp đầu** của tỉnh.

- Kịp thời triển khai thực hiện có hiệu quả, đảm bảo chất lượng việc theo dõi và đánh giá, chấm điểm để xác định Chỉ số Chuyển đổi số (DTI) năm 2023 của huyện Ninh Sơn theo đúng yêu cầu theo Quyết định số 852/QĐ-UBND ngày 08/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

II. YÊU CẦU

- Yêu cầu các phòng, ban, ngành thuộc huyện và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và các doanh nghiệp có liên quan tăng cường công tác phối hợp, cung cấp thông tin kịp thời liên quan đến chuyển đổi số; bố trí nguồn lực hợp lý, xác định những công việc cấp bách, thiết yếu để tập trung ưu tiên thực hiện trước góp phần trong việc nâng cao Chỉ số DTI của huyện.

- Các phòng, ban, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị liên quan tập trung, quyết liệt triển khai thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ cụ thể về chuyển đổi số

năm 2023 trên địa bàn huyện Ninh Sơn theo Kế hoạch số 109/KH-UBND ngày 15/3/2023.

- Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ phụ trách các Chỉ số chính/Chỉ số thành phần có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ được giao; các đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp với đơn vị phụ trách và cùng chịu trách nhiệm về các Chỉ số thành phần thuộc lĩnh vực phụ trách.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Nhóm Nhận thức số

- Thúc đẩy sự tham gia vào cuộc của cả hệ thống chính trị, hành động đồng bộ ở các cấp, các ngành và sự tham gia của toàn dân bảo đảm sự thành công của Chuyển đổi số.

- Tiếp tục chỉ đạo hệ thống Đài truyền thanh cấp huyện và cấp xã xây dựng chuyên mục về Chuyển đổi số phát trên hệ thống truyền thanh cơ sở nhằm nâng cao nhận thức về Chuyển đổi số, thường xuyên cập nhật thông tin mới từ các cơ quan chức năng về Chuyển đổi số và kết quả xây dựng Chính quyền số, Kinh tế số và Xã hội số; Phản ánh kịp thời các hoạt động của các tổ chức và cá nhân tích cực tham gia công tác này. Thời lượng tuyên truyền phải phù hợp, nội dung mang tính phản ánh, giáo dục cao, tập trung vào mọi đối tượng, tầng lớp trong xã hội.

- Đồng thời, tuyên truyền về lợi ích của chuyển đổi số để các cơ quan quản lý nhà nước, người dân, doanh nghiệp hiểu rõ về lợi ích và hiệu quả của chuyển đổi số, từ đó tích cực tham gia và thụ hưởng các lợi ích mà chuyển đổi số mang lại.

- Ngoài ra, đẩy mạnh hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, các tiện ích, dịch vụ số an toàn, hiệu quả. Xây dựng chuyên mục, cập nhật tin, bài về Chuyển đổi số trên Trang thông tin điện tử huyện, cấp xã để người dân và doanh nghiệp biết và cùng thực hiện.

2. Nhóm Thể chế số

- Cụ thể hóa các văn bản của Tỉnh về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phù hợp với điều kiện của huyện nhằm tạo ra môi trường pháp lý thuận lợi cho việc đẩy mạnh ứng dụng và phát triển Chính quyền điện tử/Chính quyền số.

- Cơ bản hình thành nền tảng thiết lập hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu đô thị trên nền tảng GIS phục vụ phát triển đô thị thông minh.

- Rà soát, đề xuất cơ chế chính sách để đáp ứng yêu cầu trong tiến trình chuyển đổi số, khuyến khích đổi mới, sáng tạo.

3. Nhóm Hạ tầng số

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước; đảm bảo kết nối an toàn các mạng LAN với mạng internet băng thông rộng và mạng truyền số liệu chuyên dùng của huyện theo Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 01/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận và Công văn số 919/UBND-TH ngày 04/4/2022 của Ủy ban nhân dân huyện về việc sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng trong hoạt động các cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện.

- Tăng cường đầu tư hạ tầng nhằm phục vụ việc xây dựng hệ thống mạng diện rộng (LAN, WAN) của cơ quan nhà nước, đảm bảo tất cả các phòng, ban ngành thuộc huyện, UBND cấp xã liên kết, chia sẻ thông tin với tốc độ cao.

- Xây dựng nền tảng hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT), xây dựng bước đầu hình thành đô thị thông minh cấp huyện.

- Tiếp tục thực hiện việc nâng cấp các máy tính của các cơ quan, đơn vị có hệ điều hành Windows 7, Windows 8.1 lên phiên bản hệ điều hành cao hơn.

- Đăng ký cấp mới chứng thư số, chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc, dịch vụ công trực tuyến và các loại hình giao dịch điện tử khác do tỉnh triển khai đảm bảo đúng quy định.

4. Nhóm Nhân lực số

- Chỉ đạo UBND các xã, thị trấn thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn huyện theo Công văn số 362/STTTT-CN ngày 23/02/2023 của Sở Thông tin và Truyền thông.

- Bố trí, phân công cán bộ, công chức, viên chức có đủ năng lực và trình độ công nghệ thông tin nhằm bảo đảm việc tham mưu triển khai các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, an toàn thông tin của cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện đồng bộ và hiệu quả.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức đào tạo, tập huấn công nghệ thông tin, chuyển đổi số cho tổ công nghệ số cộng đồng; cho cán bộ, công chức, viên chức.

- Cung cấp thông tin, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng các ứng dụng số trong giao tiếp với các cơ quan hành chính Nhà nước; nâng cao nhận thức cho người dân, doanh nghiệp về lợi ích, hiệu quả đem lại của Chính quyền số.

5. Nhóm An toàn thông tin mạng

- Tăng cường công tác chỉ đạo các cơ quan, đơn vị kiểm tra, rà soát xây dựng các phương án bảo vệ, ứng cứu xử lý sự cố tấn công mạng, đề xuất cấp độ an toàn thông tin tương ứng đối với các hệ thống thông tin theo quy định.

- Theo dõi, triển khai hệ thống giám sát an toàn, an ninh mạng và bảo mật dữ liệu cho các hệ thống thông tin Chính quyền số theo mô hình 04 lớp; đảm bảo hệ thống được kết nối, chia sẻ giám sát, chia sẻ thông tin về mã độc cho Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia theo quy định.

- Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước theo quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 24/4/2017.

- Ưu tiên phân bổ kinh phí hàng năm cho công tác đảm bảo an toàn thông tin; công tác kiểm tra, đánh giá, diễn tập, ứng cứu sự cố an toàn thông tin; đào tạo, tập huấn, tuyên truyền nâng cao nhận thức an toàn thông tin.

6. Nhóm Hoạt động chính quyền số

- Phối hợp triển khai Công dữ liệu mở của tỉnh để chia sẻ, cung cấp dữ liệu cho các cơ quan nhà nước, người dân và doanh nghiệp theo quy định.

- Phối hợp nâng cấp hệ thống dịch vụ công trực tuyến phù hợp với yêu cầu kết nối chia sẻ dữ liệu và đáp ứng đòi hỏi việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong việc khai thác sử dụng các dịch vụ công trực tuyến.

- Các phòng, ban, ngành, địa phương tăng cường, quyết liệt, tập trung chỉ đạo để nâng cao hiệu quả khai thác sử dụng dịch vụ công trực tuyến, đảm bảo năm 2023: số lượng DVCTT phát sinh hồ sơ trên tổng số DVCTT thuộc thẩm quyền giải quyết đạt 75% đối với cấp huyện và 75% đối với cấp xã; số lượng hồ sơ thủ tục hành chính (TTHC) được tiếp nhận, xử lý trực tuyến trên tổng số hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được UBND tỉnh công bố đạt 75% đối với cấp huyện và 50% đối với cấp xã.

- Tăng cường công tác quản lý, triển khai kết nối, sử dụng dữ liệu qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) và *Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP)*.

- Kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia về dân cư với cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm; Triển khai kỹ thuật đảm bảo từng bước sử dụng thẻ Căn cước công dân, ứng dụng Định danh điện tử quốc gia (VNEID) thay thế thẻ bảo hiểm y tế (BHYT) giấy để khám bệnh, chữa bệnh BHYT.

- Ưu tiên bố trí đủ kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, dự án đầu tư cho chuyển đổi số trong hoạt động chính quyền số.

7. Nhóm Hoạt động kinh tế số

- Tăng cường triển khai tổ chức các hội nghị chuyên đề về kinh tế số, chuyên đổi số cho doanh nghiệp; khuyến khích doanh nghiệp tiên phong về chuyển đổi số.

- Nghiên cứu xây dựng cơ chế chính sách để thu hút các doanh nghiệp công nghệ số (doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông – công nghệ thông tin), doanh nghiệp nền tảng số đầu tư tại huyện.

- Chú trọng phát triển nông nghiệp công nghệ cao theo hướng chú trọng nông nghiệp thông minh truy xuất nguồn gốc, mã vùng trồng, truy vết sản phẩm trong nền kinh tế tuần hoàn gắn với thương mại điện tử; triển khai hệ thống truy xuất nguồn gốc, mã vùng trồng, truy vết sản phẩm truy vết sản phẩm trong nền kinh tế tuần hoàn gắn với thương mại điện tử; 90% sản phẩm OCOP được tiêu thụ trên các sàn thương mại điện tử nội địa..

- Triển khai thực hiện hiệu quả việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, sử dụng nền tảng số; đảm bảo mục tiêu năm 2023 tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt 30%.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, triển khai, hỗ trợ các doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử, nộp thuế điện tử; đảm bảo mục tiêu năm 2023 tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử đạt 100%.

8. Nhóm Hoạt động xã hội số

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh.

- Triển khai các dịch vụ tài chính-ngân hàng điện tử, dịch vụ y tế số cho người dân và xã hội.

- Tiếp tục tập trung triển khai hiệu quả Kế hoạch số 1466/KH-UBND ngày 8/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021 - 2025.

- Xây dựng và từng ước hình thành hệ thống chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh dựa trên các công nghệ số; ứng dụng công nghệ số toàn diện tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh góp phần cải cách hành chính, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử tiến tới không sử dụng bệnh án giấy, thanh toán viện phí, xây dựng nền tảng quản trị y tế thông minh dựa trên công nghệ số, tích hợp thông tin, dữ liệu.

IV. PHÂN CÔNG PHỤ TRÁCH THEO DỐI, ĐÁNH GIÁ CÁC CHỈ SỐ DTI CẤP HUYỆN

Các cơ quan, đơn vị được giao phụ trách theo dõi, đánh giá các Chỉ số DTI cấp huyện, gồm các Phòng: Văn hóa và Thông tin, Tài chính-Kế hoạch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo, Kinh tế-Hạ tầng; Văn phòng HĐND-UBND huyện; Công an huyện; Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh huyện; Chi cục thuế khu vực Ninh Sơn-Bác Ái; Bưu điện huyện; VNPT Ninh Sơn – Bác Ái, các Ngân hàng trên địa bàn huyện; UBND các xã, thị trấn.

(Chi tiết tại Phụ lục 1)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các phòng, ban, ngành thuộc UBND huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn; Công an huyện; Chi cục thuế khu vực Ninh Sơn-Bác Ái; Bưu điện huyện, VNPT Ninh Sơn – Bác Ái; các Ngân hàng trên địa bàn huyện:

- Căn cứ nội dung Kế hoạch này và Kế hoạch số 410/KH-UBND ngày 23/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện; xây dựng, ban hành Kế hoạch thực hiện chi tiết, đề ra biện pháp cụ thể để nâng cao các chỉ số được giao phụ trách, trong đó chỉ rõ những đơn vị cụ thể có liên quan cần phối hợp để cải thiện Chỉ số thành phần được giao trong Kế hoạch này.

- Đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch của các cơ quan phối hợp trong các chỉ tiêu được giao; thực hiện báo cáo, cung cấp đầy đủ số liệu (**bao gồm các văn bản, tài liệu kiểm chứng phù hợp**) liên quan tới các Chỉ số thành phần được giao tại các Phụ lục 2 của Kế hoạch này, định kỳ 06 tháng (trước ngày **30/5**) và hàng năm (trước ngày **15/11**) gửi đến Phòng Văn hóa - Thông tin để tổng hợp báo cáo Ban Điều hành, Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số huyện, Ủy ban nhân dân huyện, Sở Thông tin và Truyền thông. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện về mục tiêu và các Chỉ số chính/Chỉ số thành phần được giao phụ trách.

- Thủ trưởng các phòng, ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan được giao nhiệm vụ phối hợp có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ do đơn vị phụ trách yêu cầu và thực hiện chế độ báo cáo (*khi có yêu cầu từ đơn vị phụ trách*). Chịu trách nhiệm trước đơn vị phụ trách về mục tiêu, Chỉ số thành phần được giao phối hợp.

2. Giao Phòng Văn hóa và Thông tin; Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh huyện tổ chức quán triệt, phổ biến sâu rộng về Kế hoạch này tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và quần chúng Nhân dân; tăng cường tuyên truyền về mục đích và ý nghĩa của việc nâng cao chỉ số chuyển đổi số nói riêng và việc chuyển đổi số trên địa bàn huyện nói chung.

Tiếp tục triển khai công tác truyền thông theo Kế hoạch số 306/KH-UBND ngày 12/9/2022 của Ủy ban nhân dân huyện về truyền thông thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 29/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 (bằng nhiều hình thức) để nâng cao hiệu ứng từ công tác truyền thông.

3. Giao Phòng Văn hóa và Thông tin phối hợp với VP HĐND-UBND huyện hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các phòng, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch này.

Thực hiện thu thập, tổng hợp số liệu chung các chỉ số của Bộ chỉ số chuyển đổi số cấp huyện; định kỳ 06 tháng (trước ngày 15/6) và hằng năm (trước ngày 30/11) báo cáo Ban Điều hành, Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số huyện, Ủy ban nhân dân huyện, Sở Thông tin và Truyền thông tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch này.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc phải kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân huyện (*thông qua Phòng Văn hóa và Thông tin*) để được hướng dẫn, tổng hợp, xem xét, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế./.

Nơi nhận:

- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Thường trực Huyện ủy, HĐND huyện;
- Ban Chỉ đạo CDS huyện;
- CT và các PCT UBND huyện;
- Thành viên Ban Điều hành CDS huyện;
- Văn phòng Huyện ủy;
- Các phòng, ban, ngành thuộc huyện;
- NHNN huyện; Chi cục thuế huyện; Bưu điện huyện; các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn huyện;
- Trung tâm VHHT&TT huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, PVHTT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Hoàng Lê Ngọc Anh**

PHỤ LỤC 1

PHÂN CÔNG PHỤ TRÁCH THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ CÁC CHỈ SỐ CHUYỂN ĐỔI SỐ (DTI) HUYỆN NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-BĐHCĐS ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện)

Stt	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	<i>Nhận thức số</i>		
1.1	Người đứng đầu huyện có là thành viên của Ban chỉ đạo, điều hành Chuyển đổi số của tỉnh	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Phòng Văn hóa và Thông tin
1.2	Người đứng đầu huyện chủ trì, chỉ đạo chuyển đổi số của đơn vị	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Phòng Văn hóa và Thông tin
1.3	Văn bản chỉ đạo chuyên đề về chuyển đổi số do người đứng đầu cấp Huyện (Chủ tịch cấp Huyện) ký	Phòng Văn hóa và Thông tin	Văn phòng HĐND-UBND huyện
1.4	Trang TTĐT của huyện có các bài viết tuyên truyền về chuyển đổi số	Phòng Văn hóa và Thông tin	Văn phòng HĐND-UBND huyện
1.5	Hệ thống truyền thanh cơ sở có chuyên mục riêng về chuyển đổi số	Phòng Văn hóa và Thông tin	Trung tâm VH TT & Truyền thanh huyện; UBND các xã, thị trấn
1.6	Tần suất hệ thống truyền thanh cơ sở phát sóng chuyên mục riêng về chuyển đổi số	Phòng Văn hóa và Thông tin	Trung tâm VH TT & Truyền thanh huyện; UBND các xã, thị trấn
2	<i>Thể chế số</i>		
2.1	Nghị quyết chuyên đề hoặc văn bản tương đương của cấp uỷ về chuyển đổi số của cấp Huyện	Phòng Văn hóa và Thông tin	Văn phòng HĐND-UBND huyện
2.2	Kế hoạch hành động 5 năm của cấp Huyện về chuyển đổi số	Phòng Văn hóa và Thông tin	Văn phòng HĐND-UBND huyện
2.3	Kế hoạch hành động hằng năm của cấp Huyện về chuyển đổi số	Phòng Văn hóa và Thông tin	Văn phòng HĐND-UBND huyện
2.4	Triển khai kiến trúc Chính quyền điện tử theo phiên bản mới nhất do Tỉnh ban hành	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Phòng Văn hóa và Thông tin

Stt	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
2.5	Tham gia đầy đủ hội nghị, bồi dưỡng, tập huấn định kỳ hằng năm của tỉnh để phổ biến, quán triệt và giám sát tuân thủ kiến trúc Chính quyền điện tử	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Phòng Văn hóa và Thông tin
2.6	Thực hiện theo Văn bản định kỳ hằng năm của tỉnh nhắc nhở, chấn chỉnh quản lý chi cho chuyển đổi số	Phòng Tài chính- Kế hoạch	Phòng Văn hóa và Thông tin
2.7	Tham gia đầy đủ hội nghị, bồi dưỡng, tập huấn định kỳ hằng năm của tỉnh để phổ biến, quán triệt công tác chi cho chuyển đổi số	Phòng Văn hóa và Thông tin	Phòng Tài chính- Kế hoạch
2.8	Thực hiện theo chính sách của tỉnh về tỷ lệ chi Ngân sách nhà nước tối thiểu hằng năm cho chuyển đổi số	Phòng Tài chính- Kế hoạch	Các cơ quan, đơn vị và địa phương
2.9	Thực hiện chính sách của tỉnh hoặc có sáng kiến mới để khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)	Phòng Tài chính- Kế hoạch	Các cơ quan, đơn vị và địa phương
2.10	Thực hiện chính sách của tỉnh hoặc có sáng kiến mới để khuyến khích doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số	Phòng Tài chính- Kế hoạch	Các cơ quan, đơn vị và địa phương
3	Hạ tầng số		
3.1	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các doanh nghiệp viễn thông
3.2	Tỷ lệ hộ gia đình có người có điện thoại thông minh	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các doanh nghiệp viễn thông
3.3	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các doanh nghiệp viễn thông
3.4	Tỷ lệ UBND cấp huyện kết nối mạng Truyền số liệu chuyên dùng	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Các doanh nghiệp viễn thông
3.5	Huyện có các ứng dụng chuyên ngành triển khai trên Trung tâm dữ liệu của tỉnh	Phòng Văn hóa và Thông tin	Văn phòng HĐND-UBND huyện
3.6	Huyện có sử dụng nền tảng số của tỉnh	Phòng Văn hóa và Thông tin	Văn phòng HĐND-UBND huyện
3.7	Mức độ ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong nền tảng số	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Các cơ quan, đơn vị và địa phương

Stt	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
4	<i>Nhân lực số</i>		
4.1	Tổ công nghệ số cộng đồng đến mức xã	Phòng Văn hóa và Thông tin	Văn phòng HĐND-UBND huyện
4.2	Tổ công nghệ số cộng đồng đến mức thôn	UBND các xã, thị trấn	Văn phòng HĐND-UBND huyện
4.3	Tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm về chuyên đổi số	Phòng Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị và địa phương
4.4	Tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm về An toàn thông tin mạng	Phòng Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị và địa phương
4.5	Tỷ lệ công chức, viên chức được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên đổi số	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các cơ quan, đơn vị và địa phương
4.6	Tỷ lệ người lao động được bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các cơ quan, đơn vị và địa phương
4.7	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông thực hiện chuyên đổi số (hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở).	Phòng giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan, đơn vị và địa phương
5	<i>An toàn thông tin mạng</i>		
5.1	Số lượng hệ thống thông tin đã được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Các cơ quan, đơn vị và địa phương
5.2	Số lượng hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo vệ theo Hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Các cơ quan, đơn vị và địa phương
5.3	Số lượng máy chủ của cơ quan nhà nước cài đặt phòng, chống mã độc	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Các cơ quan, đơn vị và địa phương
5.4	Số lượng máy trạm của cơ quan nhà nước cài đặt phòng, chống mã độc	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Các cơ quan, đơn vị và địa phương
5.5	Số lượng IP botnet được phát hiện, cảnh báo và xử lý, loại bỏ mã độc	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Các cơ quan, đơn vị và địa phương
5.6	Số lượng hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước được	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Các cơ quan, đơn vị và địa

Stt	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	giám sát trực tiếp và kết nối chia sẻ dữ liệu với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC)		phương
5.7	Số lượng hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước đã được kiểm tra, đánh giá đầy đủ các nội dung theo quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 24/4/2017	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Các cơ quan, đơn vị và địa phương
5.8	Số lượng các phương án ứng cứu xử lý sự cố tấn công mạng	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Các cơ quan, đơn vị và địa phương
5.9	Số lượng các cuộc diễn tập được triển khai	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Các cơ quan, đơn vị và địa phương
5.10	Số lượng sự cố đã phát hiện trong cơ quan nhà nước	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Các cơ quan, đơn vị và địa phương
5.11	Số lượng sự cố đã xử lý trong cơ quan nhà nước	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Các cơ quan, đơn vị và địa phương
5.12	Tổng kinh phí chi cho an toàn thông tin (ATTT)		
5.12.1	<i>Kinh phí chung chi cho ATTT</i>	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Phòng Tài chính- Kế hoạch
5.12.2	<i>Kinh phí giám sát ATTT</i>	Văn phòng HĐND-UBND huyện	
5.12.3	<i>Kinh phí kiểm tra, đánh giá ATTT</i>	Văn phòng HĐND-UBND huyện	
5.12.4	<i>Kinh phí diễn tập, ứng cứu sự cố ATTT</i>	Văn phòng HĐND-UBND huyện	
5.12.5	<i>Kinh phí đào tạo, tập huấn ATTT</i>	Văn phòng HĐND-UBND huyện	
5.12.6	<i>Kinh phí tuyên truyền nâng cao nhận thức ATTT</i>	Phòng Văn hóa và Thông tin	
6	<i>Hoạt động chính quyền số</i>		
6.1	Trang TTĐT của huyện đáp ứng yêu cầu theo quy định	Phòng Văn hóa và Thông tin	Văn phòng HĐND-UBND huyện
6.2	Huyện có tham gia cung cấp dữ liệu mở (gồm 2 ý: 1 là có tham gia, 2: cung cấp trên Cổng dữ liệu mở của tỉnh)	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Phòng Văn hóa và Thông tin

Stt	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
6.3	Huyện có kết nối với LGSP để chia sẻ, khai thác dữ liệu có các CQNN khác sử dụng	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Phòng Văn hóa và Thông tin
6.4	Huyện có sử dụng dịch vụ dữ liệu trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP)	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Phòng Văn hóa và Thông tin
6.5	Tỷ lệ DVCTT mức độ 4 hoặc toàn trình	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Các cơ quan, đơn vị và địa phương
6.6	Tỷ lệ DVCTT được điền sẵn thông tin	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Các cơ quan, đơn vị và địa phương
6.7	Tỷ lệ DVCTT được cá thể hóa	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Các cơ quan, đơn vị và địa phương
6.8	Tỷ lệ DVCTT phát sinh hồ sơ trực tuyến	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Các cơ quan, đơn vị và địa phương
6.9	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Các cơ quan, đơn vị và địa phương
6.10	Tỷ lệ tài khoản của người dân, doanh nghiệp có sử dụng DVCTT mức độ 3, 4 trong năm	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Các cơ quan, đơn vị và địa phương
6.11	Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng DVCTT	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Các cơ quan, đơn vị và địa phương
6.12	Sử dụng nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung của tỉnh	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Các cơ quan, đơn vị và địa phương
6.13	Sử dụng nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất của tỉnh	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Các cơ quan, đơn vị và địa phương
6.14	Huyện, thành phố sử dụng nền tảng họp trực tuyến của tỉnh	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Các cơ quan, đơn vị và địa phương
6.15	Sử dụng nền tảng giám sát trực tuyến của tỉnh để phục vụ công tác quản lý nhà nước	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Phòng Văn hóa và Thông tin
6.16	Sử dụng nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Phòng Văn hóa và Thông tin
6.17	Sử dụng nền tảng trợ lý ảo phục vụ công chức, viên chức	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Phòng Văn hóa và Thông tin

Stt	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
6.18	Tổng chi Ngân sách nhà nước cho chính quyền số	Phòng Tài chính- Kế hoạch	VP HĐND-UBND; Phòng Văn hóa và Thông tin
7	<i>Hoạt động kinh tế số</i>		
7.1	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP	Phòng Tài chính- Kế hoạch	Các cơ quan, đơn vị và địa phương
7.2	Số doanh nghiệp công nghệ số (Số lượng doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông – CNTT)	Phòng Tài chính- Kế hoạch	Các cơ quan, đơn vị và địa phương
7.3	Số lượng doanh nghiệp nền tảng số	Phòng Tài chính- Kế hoạch	Các cơ quan, đơn vị và địa phương
7.4	Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, tham gia chương trình SMEdx	Phòng Tài chính- Kế hoạch	Các cơ quan, đơn vị và địa phương
7.5	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số	Phòng Tài chính- Kế hoạch	Các cơ quan, đơn vị và địa phương
7.6	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử	Phòng Tài chính- Kế hoạch	Các cơ quan, đơn vị và địa phương
7.7	Tỷ lệ doanh nghiệp nộp thuế điện tử	Phòng Tài chính- Kế hoạch	Các cơ quan, đơn vị và địa phương
7.8	Số điểm phục vụ của mạng bưu chính công cộng có kết nối internet băng rộng cố định	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các cơ quan, đơn vị và địa phương
7.9	Số lượng giao dịch trên sàn thương mại điện tử Vò sò và Postmart	Phòng Kinh tế - Hạ Tầng	Các cơ quan, đơn vị và địa phương
7.10	Số lượng tên miền .vn	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Các cơ quan, đơn vị và địa phương
7.11	Tổng kinh phí đầu tư từ Ngân sách nhà nước cho kinh tế số	Phòng Tài chính- Kế hoạch	Các cơ quan, đơn vị và địa phương
7.12	Tổng kinh phí chi thường xuyên từ Ngân sách nhà nước cho kinh tế số	Phòng Tài chính- Kế hoạch	Các cơ quan, đơn vị và địa phương

Stt	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
8	<i>Hoạt động xã hội số</i>		
8.1	Số lượng người dân có danh tính số/ tài khoản định danh điện tử	Công an huyện	Các cơ quan, đơn vị và địa phương
8.2	Số lượng người từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	Các ngân hàng	Các cơ quan, đơn vị và địa phương
8.3	Số lượng dân số ở độ tuổi trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các cơ quan, đơn vị và địa phương
8.4	Số lượng hộ gia đình có địa chỉ số (trên tổng số hộ gia đình)	Bưu điện huyện	Các cơ quan, đơn vị và địa phương
8.5	Số lượng người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các cơ quan, đơn vị và địa phương
8.6	Tổng kinh phí đầu tư từ ngân sách nhà nước cho xã hội số	Phòng Tài chính- Kế hoạch	Các cơ quan, đơn vị và địa phương
8.7	Tổng kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước cho xã hội số	Phòng Tài chính- Kế hoạch	Các cơ quan, đơn vị và địa phương
8.8	Mức độ người dân được tham gia vào cùng cơ quan nhà nước giải quyết vấn đề của địa phương với chính quyền	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các cơ quan, đơn vị và địa phương
